

Số: /TM-KSBT

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2026

THƯ MỜI CHÀO GIÁ
Mua vật tư, hóa chất, sinh phẩm xét nghiệm dịch vụ lần 1 năm 2026

Kính gửi: Các đơn vị cung cấp

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Nguyên có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu và làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: “Mua vật tư, hóa chất, sinh phẩm xét nghiệm dịch vụ lần 1 năm 2026”. Kính mời các đơn vị có khả năng cung cấp tham gia báo giá với các nội dung sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Tên đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Nguyên

2. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Bản scan gửi qua email: tochucytdp@gmail.com

Hoặc Bộ phận văn thư Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Nguyên

Địa chỉ: Số 971, đường Dương Tự Minh, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên.

Điện thoại liên hệ: 0987.984.789 - Ds Bùi Thị Tuyết Mai.

3. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Trước 8 giờ 00 phút ngày 25/5/2026.

4. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Bảng báo giá chi tiết theo mẫu tại Phụ lục II và có chữ ký, đóng dấu đại diện hợp pháp của đơn vị cung cấp. Hiệu lực của báo giá có giá trị trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày 25/05/2026.

5. Yêu cầu về giá hàng hóa: Giá của hàng hóa trên Bảng báo giá là giá đã bao gồm các loại thuế, chi phí bảo quản và tất cả các chi phí phát sinh khác có liên quan đến việc cung cấp hàng hoá vận chuyển đến Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Nguyên.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hàng hóa yêu cầu báo giá: (Chi tiết tại Phụ lục I đính kèm)

2. Mẫu Bảng báo giá: (Chi tiết tại Phụ lục II đính kèm)

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Nguyên trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT, D-VTTYT(Mai)

GIÁM ĐỐC

Hoàng Anh

Phụ lục I: DANH MỤC HÀNG HOÁ

(Kèm theo Thư mời số /TM-KSBT ngày tháng năm 2026 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Nguyên)

TT	Danh mục hóa chất, sinh phẩm, vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng/ Khối lượng	Xuất xứ
I	HÓA CHẤT				
1	Thuốc thử xét nghiệm LDL-C	<ul style="list-style-type: none">- Xét nghiệm màu sắc enzym để định lượng LDL-cholesterol.- Dải đo: 0,26-10,3 mmol/L- Giới hạn phát hiện: $\leq 0,26$ mmol/L- Thành phần: Cholesterol esterase; Cholesterol oxidase; Peroxidase; Sodium azide; Good's Buffer (pH trong khoảng 6.8); 4-aminoantipyrine; Catalase; HDAOS (Hoặc các thành phần tương đương).- Tương thích và phù hợp với máy xét nghiệm Beckman Coulter AU400.- Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016 hoặc tương đương.- Quy cách đóng gói: Theo quy cách đóng gói của nhà sản xuất	ml	288	Các nước thuộc nhóm G7 hoặc các nước thuộc nhóm EU
2	Thuốc thử xét nghiệm HDL-C	<ul style="list-style-type: none">- Xét nghiệm màu sắc enzym để định lượng HDL-cholesterol- Phạm vi đo: 0,05-4,65 mmol/L- Giới hạn phát hiện: $\leq 0,05$ mmol/L- Thành phần: Kháng thể kháng β-lipoprotein ở người; Cholesterol esterase (CHE); Cholesterol oxidase (CHO); Peroxidase (POD); Ascorbate Oxidase; Good's buffer (pH 7.0); N-Ethyl - N - (2-hydroxy-3-sulfopropyl) - 3,5- dimethoxy - 4 fluoroaniline (F-DAOS); 4-Aminoantipyrine (Hoặc các thành phần tương đương)- Tương thích và phù hợp với máy xét nghiệm Beckman Coulter AU400.- Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016 hoặc tương đương.- Quy cách đóng gói: Theo quy cách đóng gói của nhà sản xuất	ml	288	Các nước thuộc nhóm G7 hoặc các nước thuộc nhóm EU
3	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng LDL-C	<ul style="list-style-type: none">- Chất hiệu chuẩn LDL-Cholesterol là chất hiệu chuẩn có nguồn gốc huyết thanh người dạng đông khô, được sử dụng cho thuốc thử LDL-Cholesterol.- Thành phần: Huyết thanh người đông khô có	ml	2	Các nước thuộc nhóm G7 hoặc các nước thuộc

TT	Danh mục hóa chất, sinh phẩm, vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng/ Khối lượng	Xuất xứ
		<p>chứa LDL-cholesterol của người.</p> <ul style="list-style-type: none"> -Tương thích và phù hợp với máy xét nghiệm Beckman Coulter AU400. -Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016 hoặc tương đương. - Quy cách đóng gói: Theo quy cách đóng gói của nhà sản xuất. 			nhóm EU
4	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng HDL-C	<ul style="list-style-type: none"> - Chất hiệu chuẩn HDL-Cholesterol là chất hiệu chuẩn có nguồn gốc từ huyết thanh người dạng đông khô, được sử dụng với thuốc thử HDL-Cholesterol - Thành phần: Huyết thanh người đông khô chứa HDL-cholesterol ở người. -Tương thích và phù hợp với máy xét nghiệm Beckman Coulter AU400. -Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016 hoặc tương đương. - Quy cách đóng gói: Theo quy cách đóng gói của nhà sản xuất 	ml	6	Các nước thuộc nhóm G7 hoặc các nước thuộc nhóm EU
5	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng HDL-C và LDL-C mức 1 + mức 2	<ul style="list-style-type: none"> - Huyết thanh kiểm chuẩn HDL/LDL-Cholesterol là chất kiểm chuẩn huyết thanh người đông khô được thiết kế để theo dõi hiệu quả phân tích của thuốc thử HDL và LDL-Cholesterol - Thành phần: Huyết thanh người đông khô chứa HDL-cholesterol và LDL-cholesterol ở người. (Hoặc các thành phần tương đương). -Tương thích và phù hợp với máy xét nghiệm Beckman Coulter AU400. -Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016 hoặc tương đương. - Quy cách đóng gói: Theo quy cách đóng gói của nhà sản xuất. 	ml	20	Các nước thuộc nhóm G7 hoặc các nước thuộc nhóm EU
6	Thuốc thử xét nghiệm GGT	<ul style="list-style-type: none"> - Xét nghiệm động lực màu để định lượng gamma-glutamyltransferase, EC 2.3.2.2 (GGT) - Thành phần: Glycylglycine, pH 7.7 (37°C); L-γ-glutamyl-3-carboxy-4-Nitroanilide . (Hoặc các thành phần tương đương) -Tương thích và phù hợp với máy xét nghiệm Beckman Coulter AU400. -Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016 hoặc tương đương. 	ml	144	Các nước thuộc nhóm G7 hoặc các nước thuộc nhóm EU

TT	Danh mục hóa chất, sinh phẩm, vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng/ Khối lượng	Xuất xứ
		<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách đóng gói: Theo quy cách đóng gói của nhà sản xuất. 			
7	Thuốc thử xét nghiệm định lượng glucose	<ul style="list-style-type: none"> - Xét nghiệm xác định hoạt độ enzyme bằng tia UV (phương pháp hexokinase) để định lượng glucose. - Độ tuyến tính: 0,6-45,0 mmol/L - Giới hạn phát hiện: ≤ 0.6 mmol/L - Thành phần: PIPES buffer (pH 7.6); ATP; NAD⁺; Mg²⁺; Hexokinase; G6P-DH (Hoặc các thành phần tương đương) - Tương thích và phù hợp với máy xét nghiệm Beckman Coulter AU400. - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016 hoặc tương đương. - Quy cách đóng gói: Theo quy cách đóng gói của nhà sản xuất 	ml	150	Các nước thuộc nhóm G7 hoặc các nước thuộc nhóm EU
8	Thuốc thử xét nghiệm định lượng ure	<ul style="list-style-type: none"> - Xét nghiệm Kinetic UV để định lượng urê - Phạm vi đo: 0,8-50 mmol/L - Giới hạn phát hiện: ≤ 0.8 mmol/L - Thành phần: Tris buffer; NADH; Tetra-Sodium diphosphate; EDTA; 2-Oxoglutarate; Urease; ADP; GLDH. (Hoặc các thành phần tương đương) - Tương thích và phù hợp với máy xét nghiệm Beckman Coulter AU400. - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016 hoặc tương đương. - Quy cách đóng gói: Theo quy cách đóng gói của nhà sản xuất. 	ml	424	Các nước thuộc nhóm G7 hoặc các nước thuộc nhóm EU
9	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm định lượng creatinin	<p>Xét nghiệm động lực màu (phương pháp Jaffé) để định lượng creatinin</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần: Sodium hydroxide; Picric acid. (Hoặc các thành phần tương đương) - Tương thích và phù hợp với máy xét nghiệm Beckman Coulter AU400. - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016 - Quy cách đóng gói: Theo quy cách đóng gói của nhà sản xuất. 	ml	408	Các nước thuộc nhóm G7 hoặc các nước thuộc nhóm EU

TT	Danh mục hóa chất, sinh phẩm, vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng/ Khối lượng	Xuất xứ
10	Thuốc thử xét nghiệm định lượng AST	<ul style="list-style-type: none"> - Xét nghiệm Kinetic UV để định lượng aspartate aminotransferase, EC 2.6.1.1 (AST) - Phạm vi đo: 3-1.000 U/L - Giới hạn phát hiện: ≤ 3 U/L - Thành phần: Tris buffer, pH 7.65 (37°C); L-aspartate; 2- Oxoglutarate; LDH; MDH; NADH. (Hoặc các thành phần tương đương) - Tương thích và phù hợp với máy xét nghiệm Beckman Coulter AU400. - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016 hoặc tương đương. - Quy cách đóng gói: Theo quy cách đóng gói của nhà sản xuất. 	ml	200	Các nước thuộc nhóm G7 hoặc các nước thuộc nhóm EU
11	Thuốc thử xét nghiệm định lượng acid uric	<ul style="list-style-type: none"> - Xét nghiệm màu sắc enzym để định lượng axit uric - Phạm vi đo: 89 - 1.785 $\mu\text{mol/L}$ - Giới hạn phát hiện: ≤ 89 $\mu\text{mol/L}$ - Thành phần: Phosphate Buffer (pH 7.5); MADB; 4-Aminophenazone; Peroxidase; Uricase; Ascorbate Oxidase. (Hoặc các thành phần tương đương) - Tương thích và phù hợp với máy xét nghiệm Beckman Coulter AU400. - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016 hoặc tương đương. - Quy cách đóng gói: Theo quy cách đóng gói của nhà sản xuất. 	ml	240	Các nước thuộc nhóm G7 hoặc các nước thuộc nhóm EU
12	Thuốc thử xét nghiệm định lượng triglyceride	<ul style="list-style-type: none"> - Xét nghiệm màu sắc enzym để định lượng triglyceride - Phạm vi đo: 0,1-11,3 mmol/L - Giới hạn phát hiện: ≤ 0.1 mmol/L - Thành phần: PIPES buffer (pH 7.5); Mg^{2+}; MADB; 4-Aminoantipyrine; ATP; Lipases; Glycerol kinase; Peroxidase; Ascorbate Oxidase; Glycerol-3-phosphate oxidase (Hoặc các thành phần tương đương) - Tương thích và phù hợp với máy xét nghiệm Beckman Coulter AU400. - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016 hoặc tương đương. - Quy cách đóng gói: Theo quy cách đóng gói của nhà sản xuất. 	ml	250	Các nước thuộc nhóm G7 hoặc các nước thuộc nhóm EU

TT	Danh mục hóa chất, sinh phẩm, vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng/ Khối lượng	Xuất xứ
13	Vật liệu kiểm soát mức 1 xét nghiệm định lượng các thông số sinh hóa	<p>-Huyết thanh kiểm chuẩn 1 là chất kiểm chuẩn huyết thanh người đông khô, được sử dụng kết hợp với Huyết thanh kiểm chuẩn 2</p> <p>- Thành phần: Huyết thanh người đông khô có hóa chất phụ gia và enzym thích hợp có nguồn gốc từ người và động vật. Huyết thanh cũng chứa chất bảo quản và chất ổn định. (Hoặc các thành phần tương đương)</p> <p>-Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016 hoặc tương đương.</p> <p>- Quy cách đóng gói: Theo quy cách đóng gói của nhà sản xuất.</p>	ml	10	Các nước thuộc nhóm G7 hoặc các nước thuộc nhóm EU
14	Vật liệu kiểm soát mức 2 xét nghiệm định lượng các thông số sinh hóa	<p>- Control Serum 2 là chất kiểm chuẩn huyết thanh người đông khô được sử dụng kết hợp với Control Serum 1</p> <p>- Thành phần: Huyết thanh người đông khô có hóa chất phụ gia và enzym thích hợp có nguồn gốc từ người và động vật. Huyết thanh cũng chứa chất bảo quản và chất ổn định. (Hoặc các thành phần tương đương)</p> <p>-Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016 hoặc tương đương.</p> <p>- Quy cách đóng gói: Theo quy cách đóng gói của nhà sản xuất.</p>	ml	10	Các nước thuộc nhóm G7 hoặc các nước thuộc nhóm EU
15	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng các thông số sinh hóa	<p>Chất hiệu chuẩn hệ thống là huyết thanh hiệu chuẩn được sử dụng kết hợp với thuốc thử</p> <p>- Thành phần: Huyết thanh người có hóa chất phụ gia và enzym thích hợp từ người, động vật và thực vật (Hoặc các thành phần tương đương)</p> <p>-Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016 hoặc tương đương.</p> <p>- Quy cách đóng gói: Theo quy cách đóng gói của nhà sản xuất.</p>	ml	10	Các nước thuộc nhóm G7 hoặc các nước thuộc nhóm EU
16	Dung dịch rửa dùng cho máy phân tích sinh hóa	<p>- Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hóa. Thành phần: Baypur; Natri hidroxit; Genapol; Axitsunfonic, C14-17-sec-alkane, muối natri. (Hoặc các thành phần tương đương)</p> <p>- Quy cách đóng gói: Theo quy cách đóng gói của nhà sản xuất.</p>	ml	5.000	Các nước thuộc nhóm G7 hoặc các nước thuộc nhóm EU

TT	Danh mục hóa chất, sinh phẩm, vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng/ Khối lượng	Xuất xứ
17	IVD pha loãng dùng cho máy phân tích huyết học	<ul style="list-style-type: none"> -Thành phần chính: Sodium chloride; Potassium chloride; Buffer; Preservative (Hoặc các thành phần tương đương) - Tiêu chuẩn chất lượng ISO13485:2016 hoặc tương đương - Phù hợp với máy Celltac α MEK 6420K - Quy cách đóng gói: Theo quy cách đóng gói của nhà sản xuất. 	ml	60.000	Các nước thuộc nhóm G7
18	IVD ly giải hồng cầu dùng cho máy phân tích huyết học	<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần chính: Detergent. Hoặc các thành phần tương đương - Tiêu chuẩn chất lượng ISO13485:2016 hoặc tương đương - Phù hợp với máy Celltac α MEK 6420K - Quy cách đóng gói: Theo quy cách của nhà sản xuất. 	ml	1.000	Các nước thuộc nhóm G7
19	Dung dịch rửa dùng cho máy phân tích huyết học	<ul style="list-style-type: none"> -Thành phần chính: Detergent; Sodium chloride; Buffer, Preservative. (Hoặc các thành phần tương đương) - Tiêu chuẩn chất lượng ISO13485:2016 hoặc tương đương - Phù hợp với máy Celltac α MEK 6420K - Quy cách đóng gói: Theo quy cách đóng gói của nhà sản xuất. 	ml	10.000	Các nước thuộc nhóm G7
20	Hóa chất rửa dùng cho máy phân tích huyết học	<ul style="list-style-type: none"> - Dùng cho việc bảo trì và làm sạch máy phân tích huyết học. - Thành phần chính: Sodium hypochlorite; Sodium hydrate. (Hoặc các thành phần tương đương) - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016 hoặc tương đương - Phù hợp với máy Celltac α MEK 6420K - Quy cách đóng gói: Theo quy cách đóng gói của nhà sản xuất. 	ml	5000	Các nước thuộc nhóm G7
21	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm huyết học	<ul style="list-style-type: none"> -Thành phần chính: Healthy mammal blood (pig), preservatives and cell stabilizers. (Hoặc các thành phần tương đương) - Tiêu chuẩn chất lượng ISO13485:2016 hoặc tương đương - Quy cách đóng gói: Theo quy cách đóng gói của nhà sản xuất. 	ml	6	Các nước thuộc nhóm G7

TT	Danh mục hóa chất, sinh phẩm, vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng/ Khối lượng	Xuất xứ
22	Bộ nhuộm Gram	- Thực hiện xét nghiệm soi nhuộm Gram. - Gồm 4 lọ dung dịch thuốc nhuộm thành phần: Crystal Violet, Lugol, Decolor, Safranin. (Hoặc thành phần tương đương) - Quy cách đóng gói: Theo quy cách đóng gói của nhà sản xuất.	ml	1000	Châu Á
23	Dầu soi kính hiển vi	- Dầu soi kính hiển vi - Quy cách đóng gói: Theo quy cách đóng gói của nhà sản xuất.	ml	100	Các nước thuộc nhóm G7 hoặc Châu Á
II	SINH PHẨM				
24	Khay thử xét nghiệm định tính kháng nguyên HBsAg	- Phát hiện kháng nguyên HBsAg trong huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần của người. - Mẫu phẩm huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần. - Độ nhạy $\geq 99\%$ - Độ đặc hiệu $\geq 99\%$ - Quy cách đóng gói: Theo quy cách đóng gói của nhà sản xuất.	Test	70	Châu Á
25	Khay thử xét nghiệm định tính vi rút viêm gan C	- Phát hiện kháng thể kháng HCV trong huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần người. - Mẫu phẩm huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần - Độ nhạy: $\geq 98\%$ - Độ đặc hiệu: $\geq 98\%$ - Quy cách đóng gói: Theo quy cách đóng gói của nhà sản xuất.	Test	160	Châu Á
26	Que thử nước tiểu 10 thông số	- Các chỉ số đo: Glucose, Bilirubin, Ketone, pH, Blood, Protein, Nitrite, Urobilinogen, Leukocyte, SG. - Tương thích và phù hợp với máy phân tích nước tiểu Siemens Clinitek Status 10 thông số. - Quy cách đóng gói: Theo quy cách đóng gói của nhà sản xuất.	Test	700	Các nước thuộc nhóm G7 hoặc các nước thuộc nhóm EU
27	Test nhanh Helicobacter pylori Ag	- Định tính phát hiện kháng nguyên H.pylori trong mẫu phân . - Quy cách đóng gói: Theo quy cách đóng gói của nhà sản xuất.	Test	250	Châu Á
III	VẬT TƯ Y TẾ				
28	Ống nghiệm	Ống nghiệm nhựa, kích thước 13 x 75mm, nắp	Ống	700	Châu Á

TT	Danh mục hóa chất, sinh phẩm, vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng/ Khối lượng	Xuất xứ
	EDTA	nhựa. Hóa chất bên trong là EDTA K2 (Ethylenediaminetetraacetic Acid Dipotassium Salt Dihydrate) kháng đông cho 2ml máu. - Quy cách đóng gói: Theo quy cách đóng gói của nhà sản xuất.			
29	Bông y tế cắt miếng	- Bông xơ tự nhiên - Kích thước 2x2cm (bông dạng miếng) - Quy cách đóng gói: Theo quy cách đóng gói của nhà sản xuất.	gam	1.500	Châu Á
30	Lọ đựng phân có nắp	- Lọ nhựa PS khoảng 50ml, có nắp, có thìa - Quy cách đóng gói: Theo quy cách đóng gói của nhà sản xuất.	Cái	250	Châu Á
31	Đầu côn vàng 200 μ l	-Đầu tuýp pipet -Chất liệu nhựa PP - Công dụng: dùng để hút mẫu - Dung tích: 200 μ l - Quy cách đóng gói: Theo quy cách đóng gói của nhà sản xuất.	Cái	1.000	Châu Á
32	Ống nghiệm Heparin	- Chất liệu: nhựa PP. - Kích thước: Ø13mm x 75 mm. Có nắp nhựa, có nhãn. -Ống chứa chất kháng đông Heparin Lithium. Nhãn ống có vạch chỉ thể tích. - Quy cách đóng gói: Theo quy cách đóng gói của nhà sản xuất.	Cái	400	Châu Á
33	Cồn 70°	- Nồng độ: Ethanol 70 độ - Không màu, trong suốt. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương. - Quy cách đóng gói: Theo quy cách đóng gói của nhà sản xuất.	ml	4.000	Châu Á
Tổng cộng: 33 mục					

Phụ lục II: Mẫu báo giá

(Kèm theo Thư mời số /TM-KSBT ngày tháng năm 2026 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Nguyên)

TÊN ĐƠN VỊ BÁO GIÁ:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Nguyên

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Nguyên, chúng tôi:

Công ty:

Địa chỉ:.....

Mã số thuế:.....

Số điện thoại:.....

Email:.....

1. Báo giá cho các hàng hóa và dịch vụ liên quan (Giá đã bao gồm thuế và các chi phí liên quan)

TT	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng/Khối lượng	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Xuất xứ của hàng hoá	Năm sản xuất	Ngày giao hàng		Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
										Sớm nhất	Muộn nhất		
1													
2													
...													
	Tổng cộng:												...

Bảng chữ:/.

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: 60 ngày kể từ ngày 25 tháng 05 năm 2026

3. Chúng tôi cam kết:

- + Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- + Giá trị của các mặt hàng nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- + Những thông tin trên trong báo giá là trung thực.

....., ngày.....tháng.....năm 2026

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp

(Ký tên, đóng dấu)